

Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt (Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-24VDG1 NA-22VDG1 NA-20VDG1**
NA-22VDR1 NA-20VDR1



Cần đọc những hướng dẫn này.

VI

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.

- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau. AWW9901CHVC0-0C0

Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Kiểm tra máy giặt	6
Trước khi giặt	7
Bảng điều khiển	8
Chất giặt tẩy	10
Giặt	12
Các chương trình	14
Chi tiết chương trình	16
Mẹo giặt đồ	18
Thay đổi cài đặt chương trình	20
Thay đổi cài đặt thiết bị	26
Bảo dưỡng	27
Xử lý sự cố	31
U13 và các cảnh báo khác	37
Chọn đúng chỗ	38
Di chuyển và Lắp đặt	39
Nối đường ống	41
Chạy thử	43
Thông số kỹ thuật	44



Lưu ý về an toàn

⚠ CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.



- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, thể chất hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, để phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Cài đặt Khóa An Toàn. (Tr. 26)



Giữ trong 3 giây.

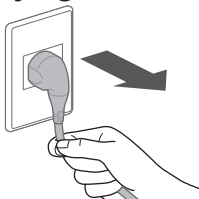


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

Không chạm khi tay ướt.



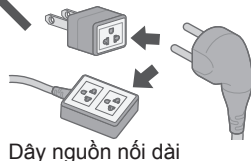
Không cầm hoặc kéo dây nguồn.



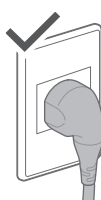
Không sử dụng.



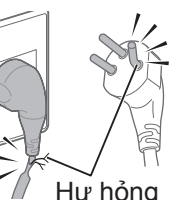
Khớp nối phích cắm



Cắm chặt.

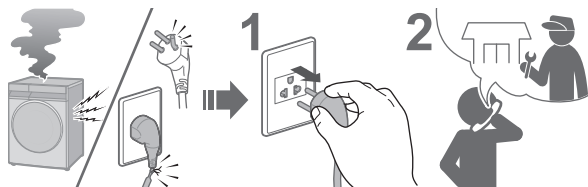


Không sử dụng.

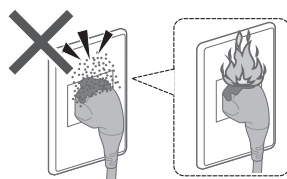


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.



Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.



Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.

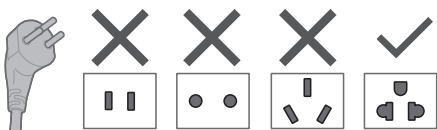


Vệ sinh phích cắm định kỳ.



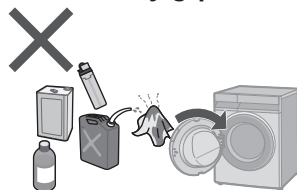
Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.

Ví dụ)



● Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

Đặt các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.



Có thể gây hỏng hóc

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.

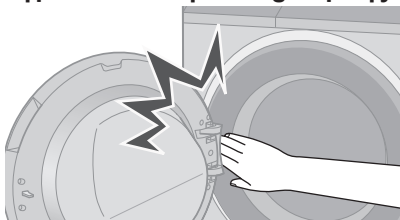


Lưu ý về an toàn (tiếp)

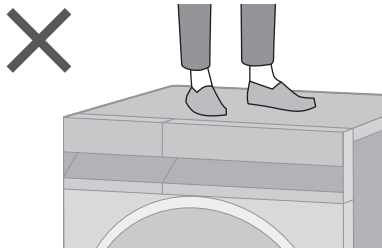
CẦN THẬN

Có thể gây thương tích

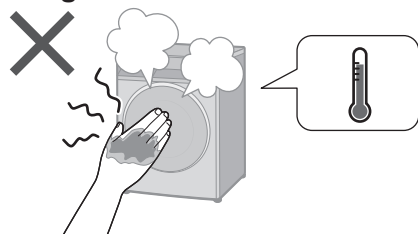
Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp máy.



Không leo lên thiết bị.



Không chạm khi máy đang nóng.

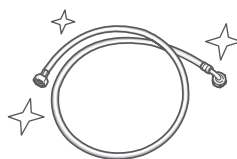


Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước sau khi giặt xong.



Sử dụng bộ ống nước mới.

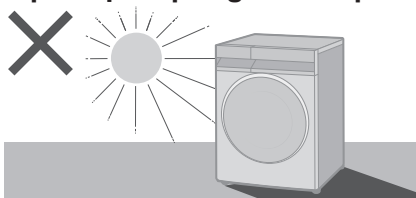


● Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

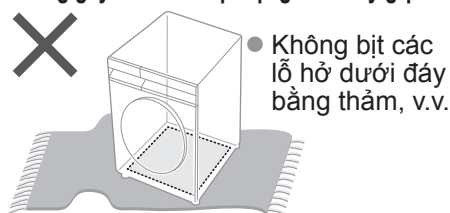
■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 44.

Có thể gây hỏng hóc

Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.

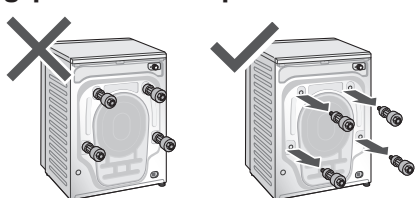


Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.

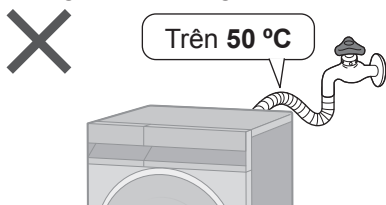


- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v.

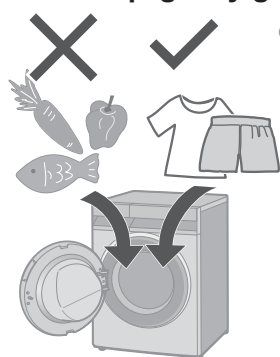
Tháo các bulông giữ lồng giặt trước khi vận hành.



Không kết nối với nguồn nước nóng.



Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
 - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
 - nhà ở trang trại;
 - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
 - môi trường kiểu phục vụ phòng ngủ đêm và bữa sáng;
 - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

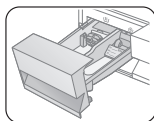
Không giặt các quần áo dính quá nhiều dầu mỡ.



Kiểm tra máy giặt

Tên các bộ phận

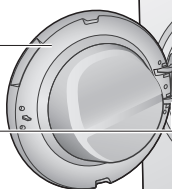
Ngăn đựng bột giặt (Tr. 10)



Bảng điều khiển
(Tr. 8)

Cửa

Bản lề



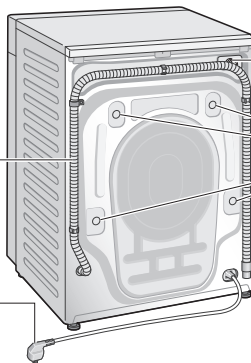
Lồng giặt

Mép cửa

Chân điều chỉnh
được (Tr. 40)

Nắp bộ lọc thoát
nước (Tr. 30)

Ống xả
(Tr. 41, 42)



Đường nước vào
(Tr. 42)

Bulông giữ lồng
giặt (Tr. 40)

Dây điện và phích cắm*
*Hình dạng phích cắm
thay đổi theo khu vực.

Phụ kiện

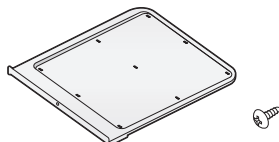
☐ Ống cấp nước (1) (Tr. 41, 42)



☐ Nắp phủ (4) (Tr. 40)



☐ Tấm đáy (1) / Vít (1) (Tr. 39)

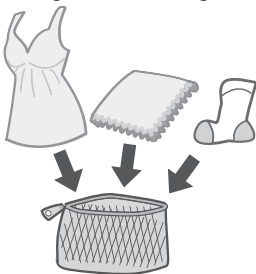
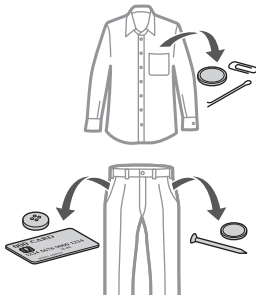


Trước khi giặt

Chuẩn bị giặt ủi

Trước khi cho quần áo vào máy

- Loại bỏ dị vật.
- Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng và các món đồ nhỏ.



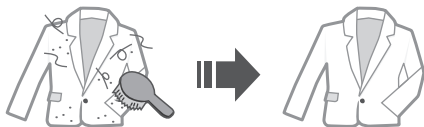
Kiểm tra trước khi giặt



Lộn trái



Quần áo có khả năng bị xoắn



- Giặt riêng.



Quần áo trắng



Quần áo màu

- Xử lý sơ bộ các chỗ vết bẩn nặng.



- Xem kỹ nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo.



Bảng điều khiển

● Hình ảnh trong các hướng dẫn này là của thiết bị NA-22VDR1, trừ khi có quy định khác.

Hiện thị

Quá trình

Giặt

Xả

Vắt

Thời gian còn lại

1:15

Vệ Sinh Lồng Giặt (Tr. 29)

Cảnh báo (Tr. 37)

(ví dụ U11)

Khóa

Cửa bị khóa

Cửa và các nút bấm đều bị khóa (Khóa An Toàn) (Tr. 26)

8:88

Đèn báo chức năng tùy chọn

(Tr. 23)
 (Tr. 25)

(Tr. 24)
 Tốc Độ Vắt

Nhiệt Độ

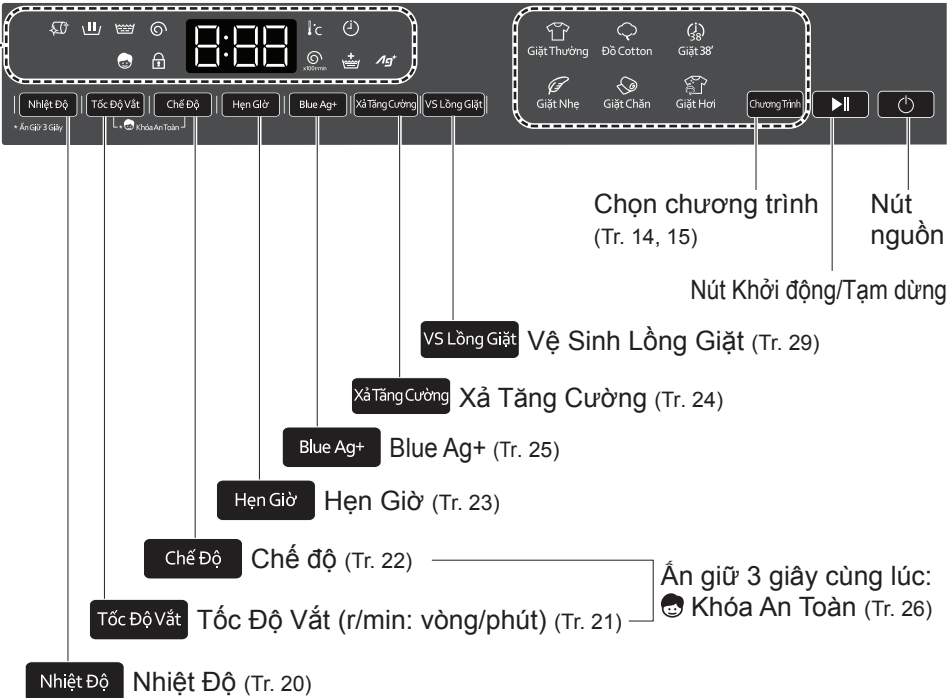
■ NA-24VDG1/NA-22VDG1/NA-20VDG1



Ấn giữ 3 giây:
 Vệ Sinh Lồng Giặt (Tr. 29)

Nút điều khiển

■ NA-22VDR1/NA-20VDR1



Thao tác cảm ứng

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy tắt và lau bằng khăn, v.v. ngay lập tức. (Nguyên nhân sự cố)



LƯU Ý

- Tắt ➡ bật trở lại: Press the power button (Tắt) and hold it for 3 seconds (Bật).
- Không vận hành ➡ tự động tắt nguồn: Press the power button (Bật) and hold it for 10 minutes (Không nhấn) to automatically turn off the power (Tự động tắt nguồn).
- Trong trường hợp mất điện: ➡ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. (Tự khởi động lại)

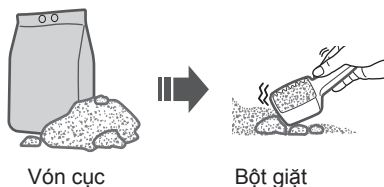
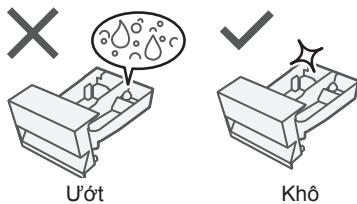
Chất giặt tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.

Chất giặt tẩy

Sử dụng chất giặt tẩy ít bột

- Để ngăn chất giặt tẩy còn đọng lại trong ngăn đựng bột giặt:



Chất giặt tẩy

Bột giặt

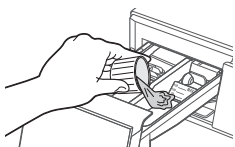
Chất giặt tẩy lỏng



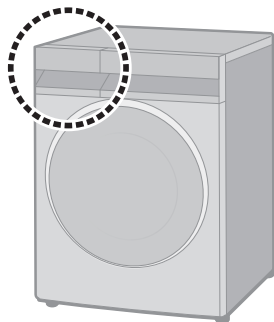
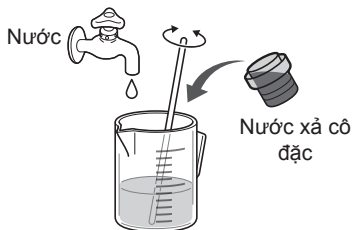
Chất tẩy



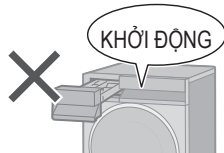
Nước xả



Các loại nước xả riêng biệt hoặc đồng đặc



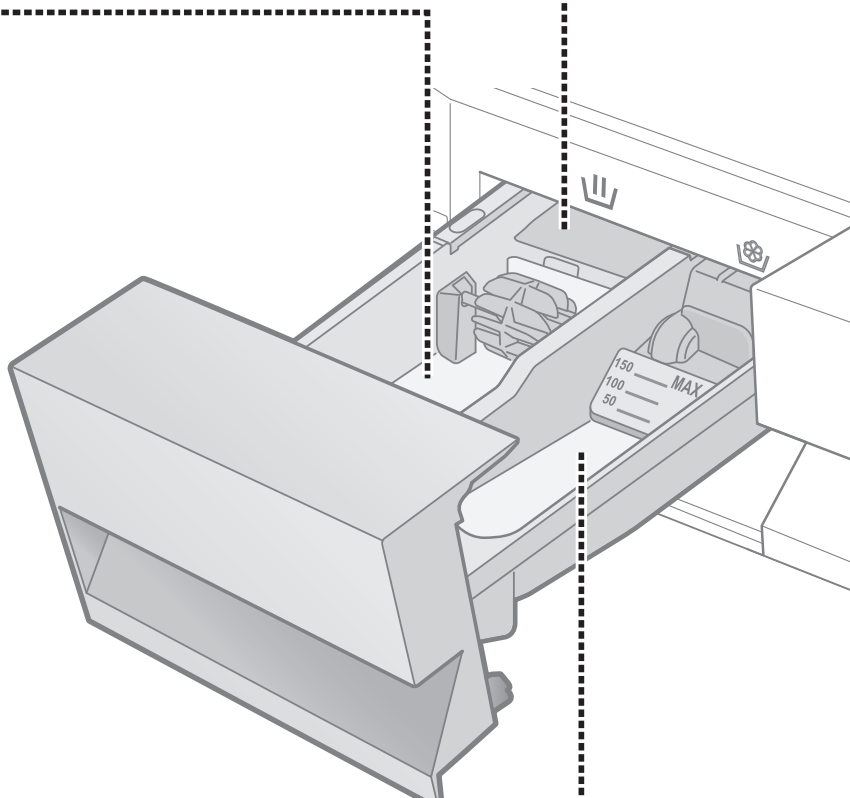
LƯU Ý



Hộp Ag+ (Tr. 25, 29)

22VDR1

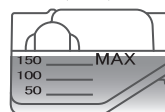
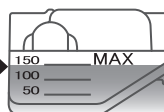
20VDR1



Nước xả



Tối đa 150 ml



Giặt Phương pháp cơ bản



Cài đặt

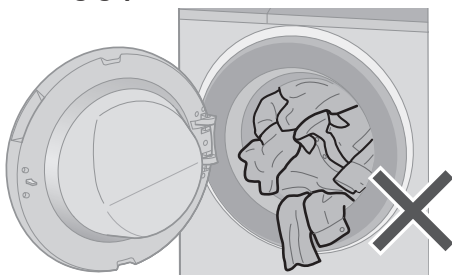
3 4 2

LƯU Ý

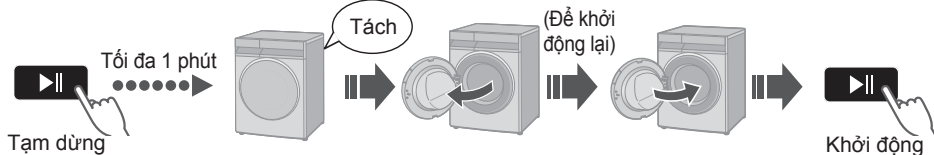
■ Không để đồ giặt bị vướng vào cửa.



■ Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.



■ Để mở cửa trong khi đang vận hành

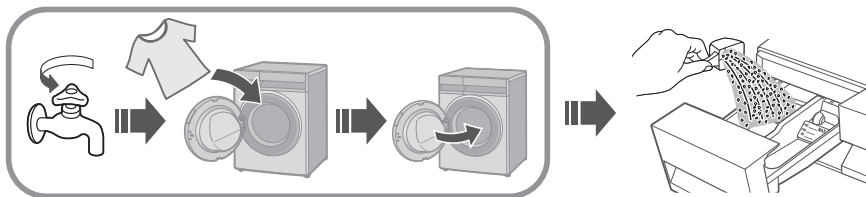


LƯU Ý

● Cửa không mở ➡ (Tr. 32)



1



2



LƯU Ý

Chương trình hiển thị có thể thay đổi tùy thuộc vào lịch sử giặt của bạn. (Gợi ý chương trình ban đầu) (P. 26)

3



Chọn chương trình. (Tr. 14)

■ **Thay đổi cài đặt.**

Cài đặt

Nhiệt Độ Nhiệt Độ (Tr. 20)	Tốc Độ Vắt Tốc Độ Vắt (Tr. 21)	Chế Độ Chế Độ (Tr. 22)
Hẹn Giờ Hẹn Giờ (Tr. 23)	Blue Ag+ Blue Ag+ (Tr. 25)	Xả Tăng Cường Xả Tăng Cường (Tr. 24)

4



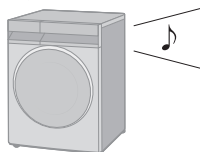
⋮ Khởi động

— — — Đo lường đồ giặt

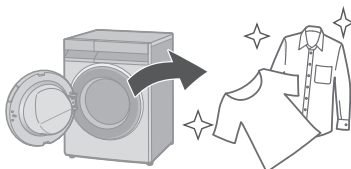
⋮ (30 giây)

2:00 Hiển thị thời gian cần thiết (được tính toán lại)

⋮ (Ví dụ)



5



Các chương trình

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)			Tổng thời gian
		24VDG1	22VDR1 22VDG1	20VDR1 20VDG1	
 Giặt Thường	Quần áo hàng ngày (Nhanh hơn chương trình “Đồ Cotton”) 	12,0	11,0	10,0	1:30
 Đồ Cotton	Quần áo hàng ngày 	12,0	11,0	10,0	2:55
 Giặt 38'	Lượng đồ giặt nhỏ 	5,0			0:38
 Giặt Chăn	Các đồ giặt lớn 	3,0			1:30

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)			Tổng thời gian
		24VDG1	22VDR1 22VDG1	20VDR1 20VDG1	
 Giặt Nhẹ	● Giặt vải mỏng nhẹ 	2,0			0:50
 Giặt Hơi	● Dành cho ve bét / mặt bụi nhà 	5,0			2:05
 Vệ Sinh Lồng Giặt	● Vệ sinh lồng giặt 	Không			3:45

- **Tổng thời gian chỉ là tương đối** (Khi lưu lượng cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút).
Đối với nhiệt độ nước mặc định của mỗi chương trình.

Chi tiết chương trình

Cài đặt Chương trình	Cài đặt tự động		
	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	
 Giặt Thường	40	1200	
 Đồ Cotton	40	1200	
 Giặt 38'	40	1200	
 Giặt Chăn	Nước lạnh	700	
 Giặt Nhẹ	30	500	
 Giặt Hơi	60	1400	
 Vệ Sinh Lồng Giặt	40	1200	

LƯU Ý

- Nhiệt độ nước thực tế có thể khác với nhiệt độ theo chu trình đã tuyên bố.
- Các kết quả thử nghiệm tùy thuộc vào áp lực nước, độ cứng của nước, nhiệt độ đường nước vào, nhiệt độ phòng, loại và lượng tải, mức độ bẩn, chất giặt tẩy được sử dụng, dao động trong nguồn cấp điện chính và các lựa chọn bổ sung đã chọn.

Phạm vi cài đặt			Chức năng tùy chọn				
	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	Chế độ	Hẹn giờ	Xả tăng cường	Blue Ag+	Tự động vệ sinh lồng giặt
	Nước lạnh, 30, 40, 60	0, 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
	Nước lạnh, 30, 40, 60	0, 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
	Nước lạnh, 30, 40	0, 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	—	✓	✓
	Nước lạnh, 30	0, 500, 700	✓	✓	✓	✓	—
	Nước lạnh, 30, 40	0, 500	✓	—	✓	✓	—
	60	0, 500, 700, 1200, 1400	—	✓	—	—	✓
	40	1200	—	—	—	—	—

Blue Ag+: NA-22VDR1 / NA-20VDR1

Mẹo giặt đồ

Giặt Nhẹ

■ Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả Tăng Cường”. (Tr. 24)

LƯU Ý



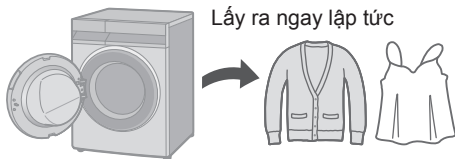
Chất tẩy



Nước giặt có độ tẩy nhẹ

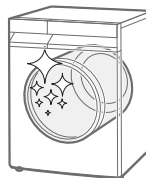
■ Sau khi hoạt động kết thúc

Lấy ra ngay lập tức



Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Tự động thêm chu trình vệ sinh lồng giặt vào 1 số chương trình nhất định. (Tr. 17)



■ Để Bật / Tắt

1



2



Ấn giữ 3 giây cùng lúc



3



để chọn



Bật



OFF

Tắt

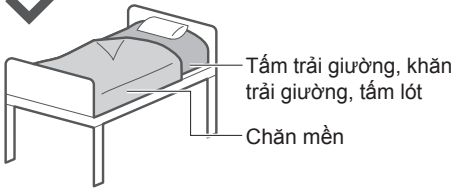
4



Giặt Chăn

■ Các đồ giặt được

- (Giặt)
- (Giặt tay)
- 100 % cotton hoặc 100 % sợi tổng hợp



■ Các đồ không giặt được



Len



Chăn điện



Lụa

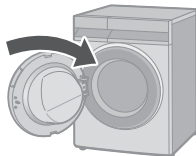


Lông cừu dài

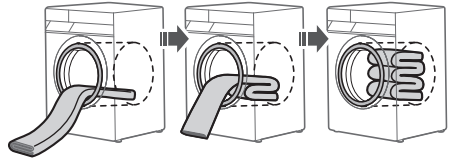
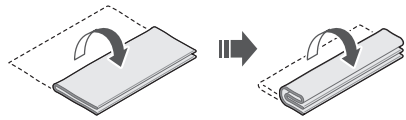


Lông thú nhân tạo

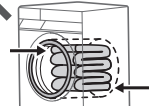
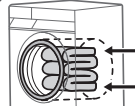
LƯU Ý



■ Đặt chăn mền vào lồng giặt



LƯU Ý



Thay đổi cài đặt chương trình

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 14)



3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Tốc Độ Vắt Tốc Độ Vắt

Nhiệt Độ Nhiệt Độ

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

l°C Nhiệt Độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.



Thấp



Cao

■ Hướng dẫn cài đặt

 Thấp	 Cao
● Màu 	● Trắng 
● Bẩn ít 	● Bẩn nhiều 
● Chất liệu dễ co rút	● Đồ Cotton

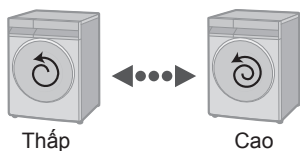
3

Nhiệt Độ

(Tr. 17)

r/min **Tốc Độ Vắt**

Thay đổi tốc độ vắt.



■ Hướng dẫn cài đặt

 Thấp	 Cao
● Để giảm nếp nhăn 	● Để vắt khô hơn 

3

Tốc Độ Vắt

(Tr. 17)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



3



Khởi động

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 14)



3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Hẹn Giờ Hẹn Giờ

Chế Độ Chế Độ

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

Chế Độ

Chọn một kết hợp các quá trình giặt, xả và vắt.

(Ví dụ)



Giặt



Xả



Vắt

3

Chế Độ

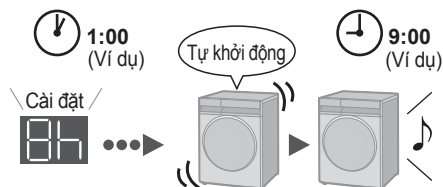
	*1	Giặt
	*2	Xả
	*2	Vắt
		Giặt và xả
		Giặt và vắt
		Xả và vắt

*1 Nước sẽ được xả hết sau quá trình giặt.

*2 Xả trước nếu có nước trong lồng.

Hẹn Giờ

Thiết lập máy để kết thúc vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)



3

Hẹn Giờ

8h
(Ví dụ)

Nhấn hoặc giữ

■ Để kiểm tra thời gian hẹn giờ

Hẹn Giờ

■ Để hủy cài đặt



Tắt

(Tất cả cài đặt bị hủy)

LƯU Ý



Tất cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ



Khởi động

- Không khả dụng: Tr. 17

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)

1



2

Chọn chương trình. (Tr. 14)



3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Blue Ag+

Blue Ag+

Xả Tăng Cường

Xả Tăng Cường

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

✚ Xả Tăng Cường

Thêm một lần xả nữa.



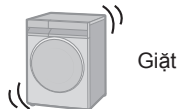
3



Đèn tắt
(Tắt)

Đèn sáng
(Bật)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



3

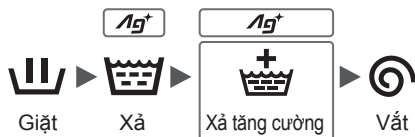


Khởi động

Ag⁺ Blue Ag⁺

22VDR1 20VDR1

Chức năng diệt khuẩn (Tối đa 3,0 kg).



3



■ Tuổi thọ của hộp Ag⁺

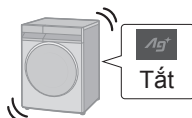
- “Blue Ag⁺” sẽ hoạt động được khoảng 300 đến 350 lần (khoảng 7 năm nếu dùng mỗi tuần một lần).
- Thay hộp này khi thành phần bên trong giảm.



- Thay thế
⇒ (Tr. 29)



- Giặt không “Ag⁺”



LƯU Ý

- Không sử dụng nước cho các mục đích khác.



Uống



Nấu ăn

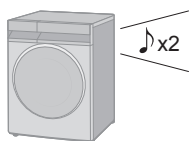
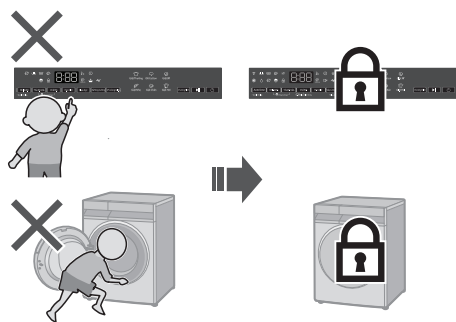


- Các loại quần áo, chất giặt tẩy, nước xả và độ cứng của nước có thể ảnh hưởng đến kết quả.
- Ngừng sử dụng nếu bị ngứa, v.v.



Thay đổi cài đặt thiết bị

Cài đặt Khóa An Toàn

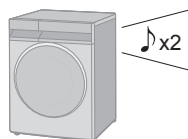


■ Để hủy:

Quy trình tương tự



Hủy bỏ cài đặt



■ Để đặt lại:

Quy trình tương tự

Gợi ý chương trình ban đầu (My Smart Memory)

Tự động gợi ý chương trình được sử dụng thường xuyên nhất dựa trên 10 chu trình giặt gần nhất. Khi bật nguồn, đèn của chương trình được gợi ý sẽ sáng.

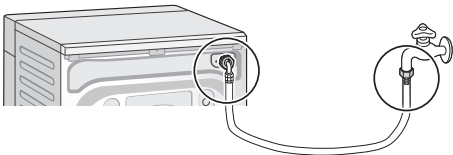
■ Để Bật / Tắt



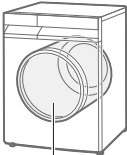
Bảo dưỡng

Tắm lọc ống cấp nước

Nếu nước chảy không đều



1



Không tải

2



Bật

3



Chương Trình

Chọn



Giặt Thường

4



1 phút



Khởi động

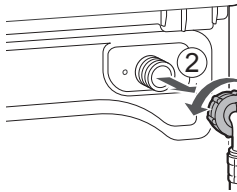
Tắt

5

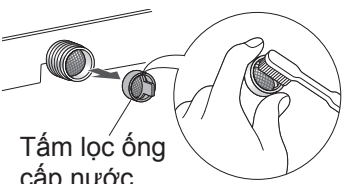


Tháo và vệ sinh lưới lọc

6

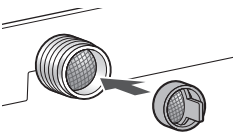


7

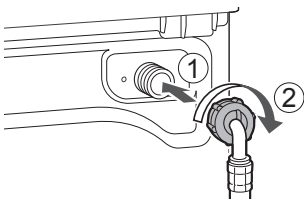


Tắm lọc ống cấp nước

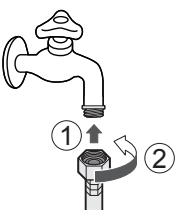
8



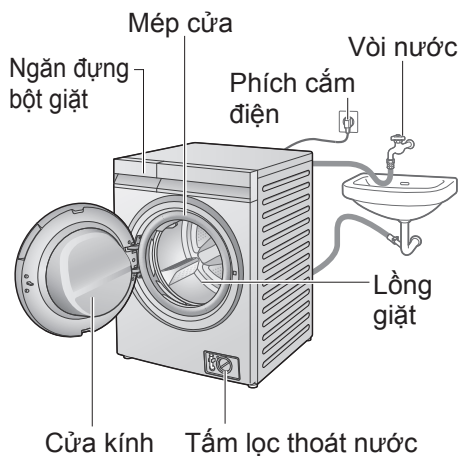
9



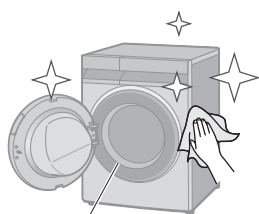
10



Bảo dưỡng (tiếp)



Thiết bị

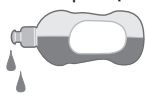


Mép cửa

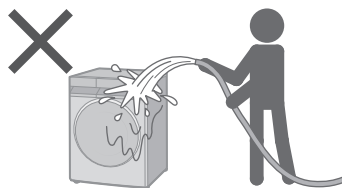


Nếu bẩn nhiều

Chất tẩy rửa nhà bếp nhẹ

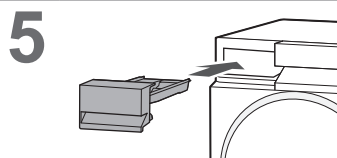
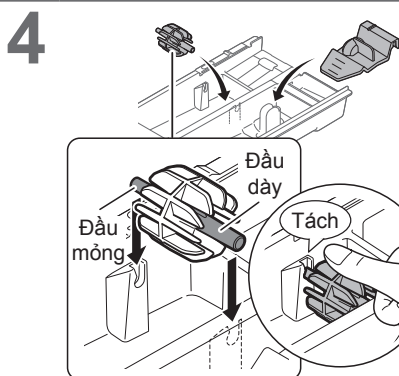
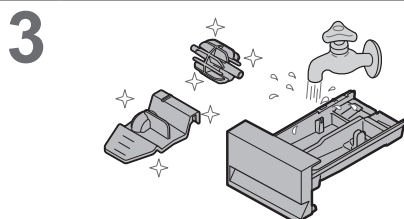
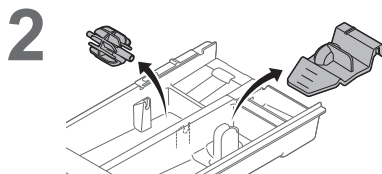
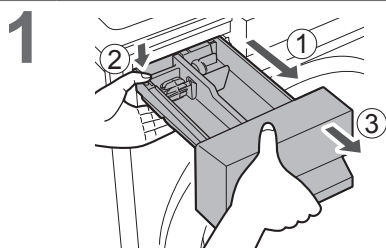


LƯU Ý



- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

Ngăn đựng bột giặt

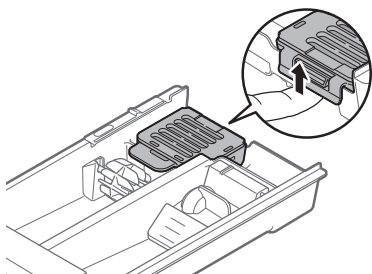


Nếu các thành phần bên trong giảm

■ Thay thế hộp Ag+

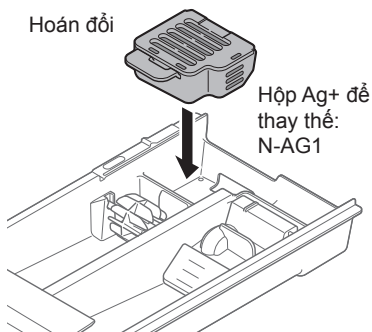
22VDR1 20VDR1

1



2

Hoán đổi



Hộp Ag+ để
thay thế:
N-AG1

LƯU Ý

- Bạn không thể mở hộp Ag+.

Lồng giặt

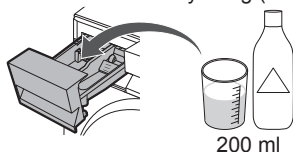
Mỗi 6 tháng một lần hoặc nếu
đèn  nháy <Vệ Sinh Lồng Giặt>

1

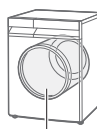


2

Chất tẩy trắng (chất tẩy Clo)



3



Không tải

4

22VDR1 20VDR1



24VDG1 22VDG1 20VDG1



Giữ
3 giây



♪x2

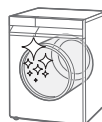


Đèn sáng
(Bật)

5



Xấp xỉ
3:45



LƯU Ý

- Nếu chương trình “Vệ Sinh Lồng Giặt” không chạy, đèn chỉ báo  sẽ tắt khi chương trình khác chạy được 3 lần.

Bảo dưỡng (tiếp)

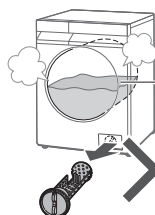
Tấm lọc thoát nước

Mỗi tháng một lần

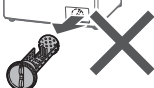
Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng giặt trước quy trình này.



CẢN THẬN



Nước nóng
(Có thể bị bỏng)

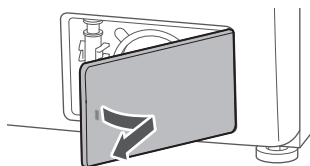


1

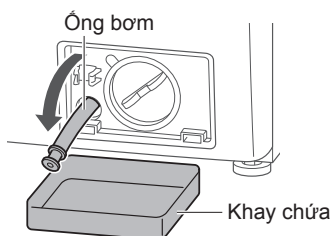


Tắt

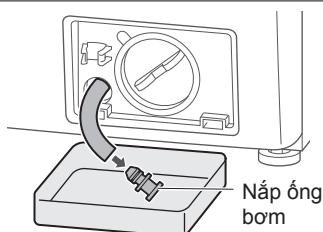
2



3



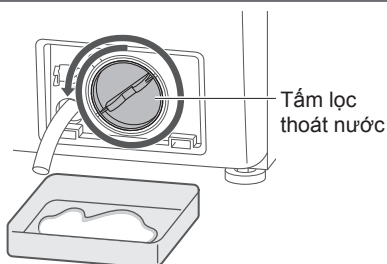
4



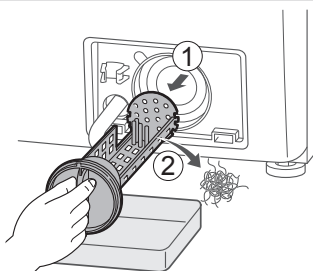
5



6



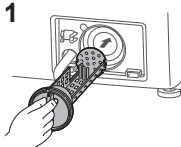
7



8

Thay thế

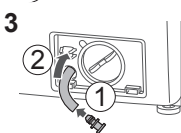
1



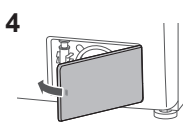
2 Cho đến khi vào đúng vị trí



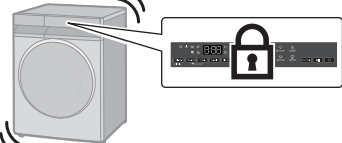
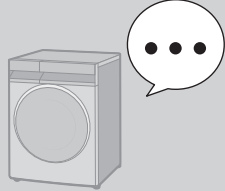
3



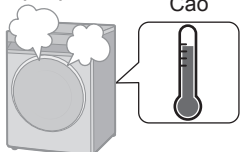
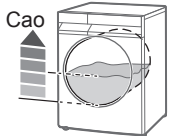
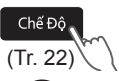
4

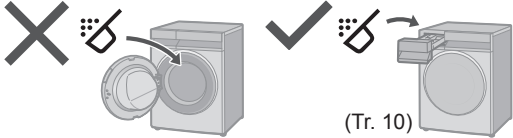
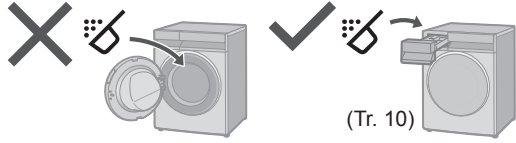
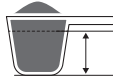


Xử lý sự cố

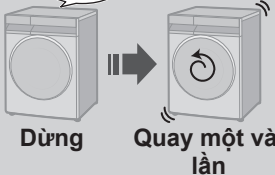
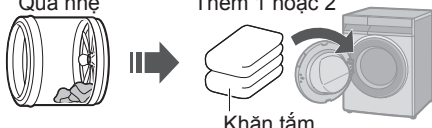
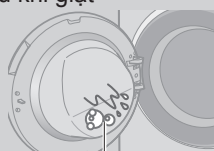
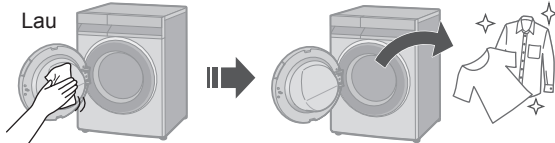
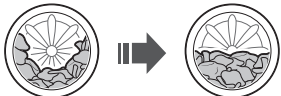
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Nhấn các nút  Không có phản ứng	☐ Nguyên nhân có thể ● Trong một hoạt động  ☐ Thử ● Khóa An Toàn (Tr. 26) 
	Không vận hành 	☐ Kiểm tra ● Mất điện ● Hẹn giờ  ☐ Thử ● Đóng cửa. ● Mở nước. ● Rút phích cắm và cắm lại. ● Nhấn "Khởi động". ● Bật cầu dao lên.  ① (30 giây) ②
	Mùi cao su 	☐ Nguyên nhân có thể Các bộ phận cao su  Theo thời gian  Không còn mùi  ☐ Thử VS Lồng Giặt Vệ Sinh Lồng Giặt (Tr. 29) 

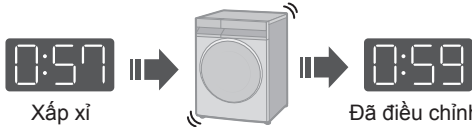
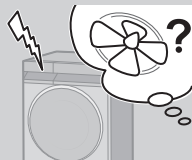
Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Cửa không mở 	☐ Nguyên nhân có thể Trong một hoạt động  Cửa bị khóa. Để mở cửa trong khi vận hành (Tr. 12)
		☐ Kiểm tra - Nhiệt độ  Cao - Mức nước  Cao
		☐ Thử - Khóa An Toàn (Tr. 26)  - Trong một hoạt động 1  Tắt 2  Bật 3  Chế Độ (Tr. 22)  Vắt 4 Mở 
		LƯU Ý  Cửa bị khóa  ⇒  Mất điện  ⇒  Có điện lại  Cửa bị khóa

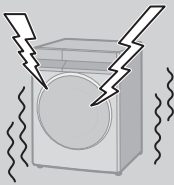
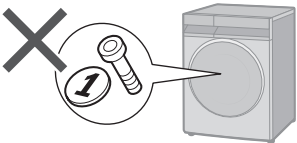
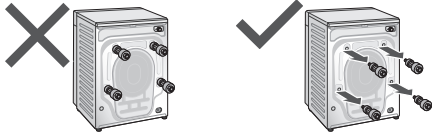
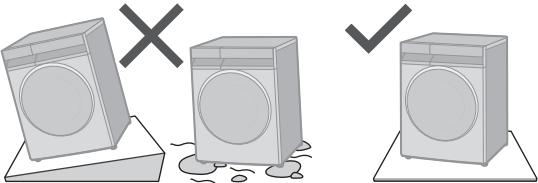
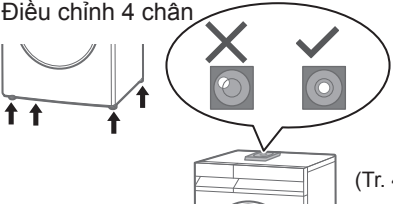
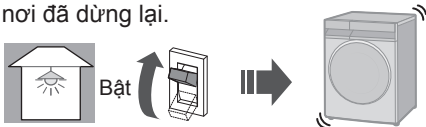
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Chất giặt tẩy và bột	Sau khi giặt 	☐ Kiểm tra 
	 Bột	☐ Nguyên nhân có thể ● Lượng bột sẽ khác nhau. ● Nhiệt độ ● Mức nước ● Độ mềm của nước 
	Không đủ 	☐ Kiểm tra ● Bột giặt  ● Quá ít chất giặt tẩy ● Chất giặt tẩy ít bột ● Bẩn nhiều ● Tải quá lớn 
	Quá nhiều 	☐ Kiểm tra ● Quá nhiều chất giặt tẩy 
Giặt	Trong khi giặt  Xả nước	☐ Nguyên nhân có thể - Bột quá nhiều - Chức năng phát hiện bột - Tự động xả nước - Tự động cấp nước 

Xử lý sự cố (tiếp)

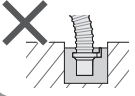
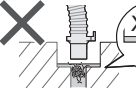
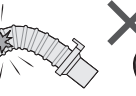
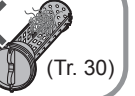
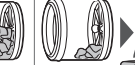
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Xả/Vắt	Trong quá trình vắt  Dừng Quay một vài lần	☐ Nguyên nhân có thể Không đồng đều Đồng đều  Tự động chỉnh Dừng Tự động chỉnh ☐ Thử Quá nhẹ Thêm 1 hoặc 2  Khăn tắm
	Sau khi giặt  Bọt hoặc nước	☐ Thử Lau 
Đồ giặt	Vắt thay đổi sang xả  Vắt Xả	☐ Nguyên nhân có thể Nếu quần áo không đồng đều, máy sẽ tự động lấy lại trạng thái cân bằng/đồng đều bằng cách quay về quy trình xả. 
	Nếu đồ giặt màu vàng  Vàng	☐ Thử 22VDR1 20VDR1 Tắt  Trắng  Nhiệt Độ 60 °C

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	Trong khi giặt Thời gian hiển thị  Thay đổi	☐ Nguyên nhân có thể - Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình hoạt động.  - Nếu cài đặt thay đổi  - Nếu quần áo không đồng đều  ➡ Thời gian còn lại có thể tăng lên.
	Trong khi xả nước 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Bơm thoát nước đang hoạt động.
Tiếng ồn	Tiếng quạt quay 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Quạt này sẽ làm mát các bộ phận điện.
	Động cơ phát ra tiếng ồn 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Động cơ có thể phát ra tiếng ồn khi hoạt động.

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
	Tiếng ồn (hoặc rung) bất thường 	□ Kiểm tra ● Các vật kim loại  ● Bulông giữ lồng giặt (Tr. 40)  ● Độ dốc hoặc bề mặt không ổn định  ● Điều chỉnh 4 chân  (Tr. 40)
Khác	Mất điện  Cầu dao Tắt 	□ Kiểm tra ● Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. 

U13 và các cảnh báo khác

Cảnh báo	Điểm cần kiểm tra		
U 11 Không thể xả nước	1 Kiểm tra	2	3  Khởi động
	     (Tr. 30)		
U 12 Cửa đang mở	1	2  Khởi động	
U 13 Không thể vắt / sấy	1	2 Kiểm tra	3  Khởi động
	Không đồng đều  Đồng đều  Không ổn định hoặc nghiêng  Ổn định  Quá nhiều  Giảm  Quá ít  Thêm 		
U 14 Không thể cấp nước	1 Kiểm tra	2	3  Khởi động
	Mất nước  Đã tắt  Tắm lọc ống cấp nước (Tr. 27) 		
U 17 Không thể vắt	1 Khởi động lại	2 Chạy quá trình Xả và Vắt của chương trình “Giặt 38”	• Làn giặt sau:   Chất giặt tẩy ít bột
H	1	2	3 

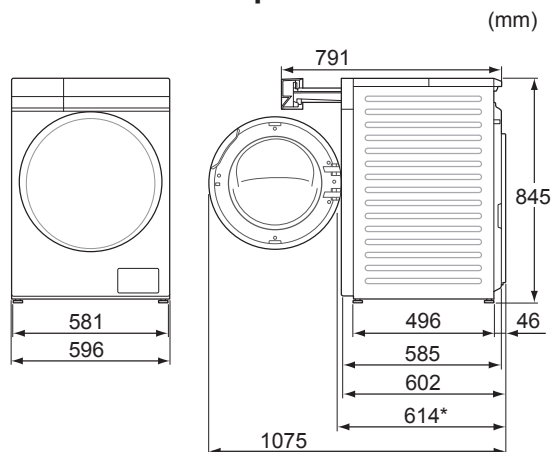
Chọn đúng chỗ



Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

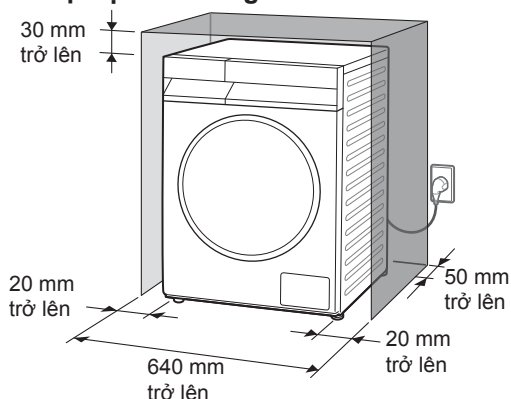
- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

Kích thước sản phẩm



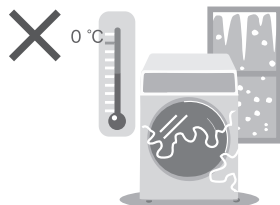
* 614 mm: Kích thước chiều sâu của sản phẩm, được đo từ mặt sau đến điểm nhô ra xa nhất của cửa khi đóng.

■ Lắp đặt vào trong



- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

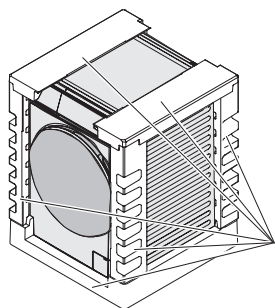
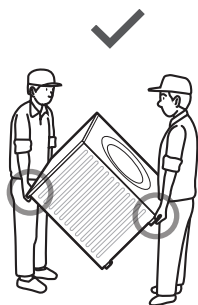
Kiểm tra vị trí.



Di chuyển và Lắp đặt

Vận chuyển thiết bị

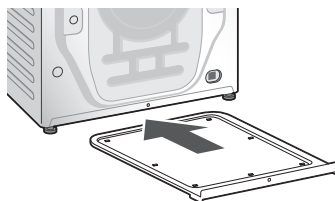
Không thực hiện một mình.



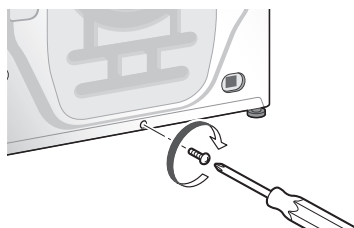
Tháo bỏ tất cả xốp đóng gói trước khi bắt đầu sử dụng thiết bị.

Lắp đặt tấm đáy

1

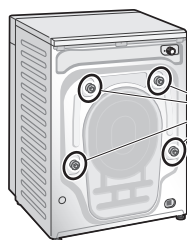


2

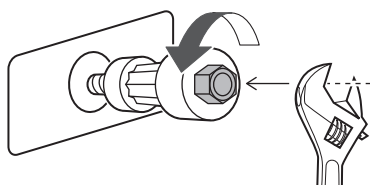


Tháo các bulông giữ lồng giặt

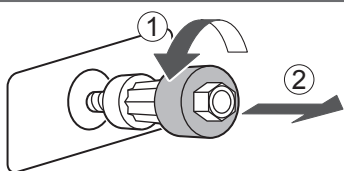
1



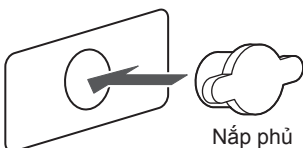
Bulông giữ lồng giặt (4)



2

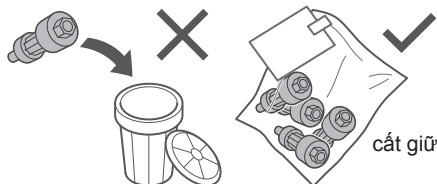


3



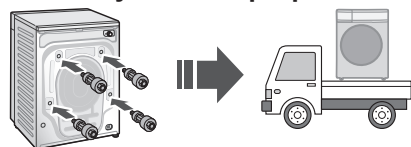
Nắp phủ

LƯU Ý



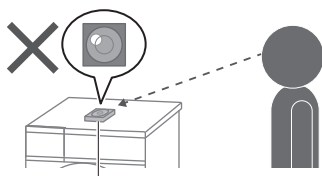
cát giữ

■ Di chuyển thiết bị một lần nữa



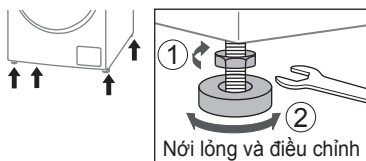
Cân bằng thiết bị

1



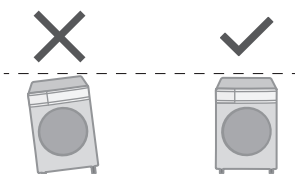
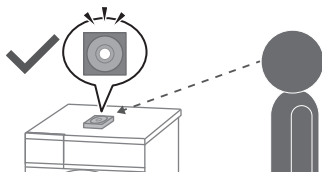
Dầu cân bằng (không đi kèm)

2

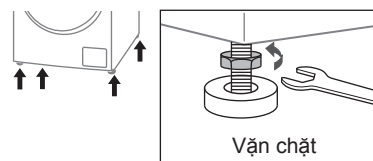


Nới lỏng và điều chỉnh

3

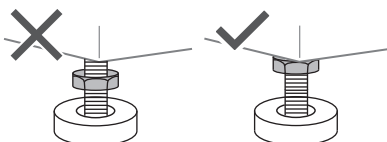


4



Vặn chặt

LƯU Ý



Lắp đặt

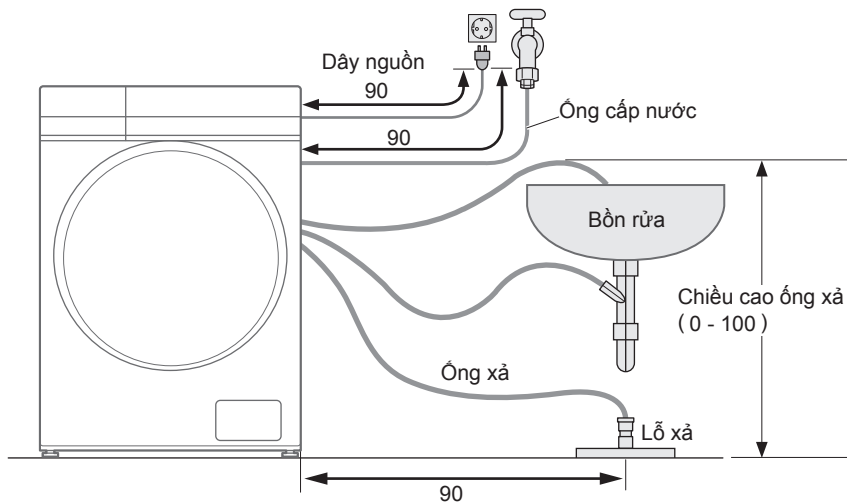
Nối đường ống

Kết nối các ống đúng cách để tránh rò rỉ nước.

Khoảng cách kết nối tối đa cho các ống và dây nguồn

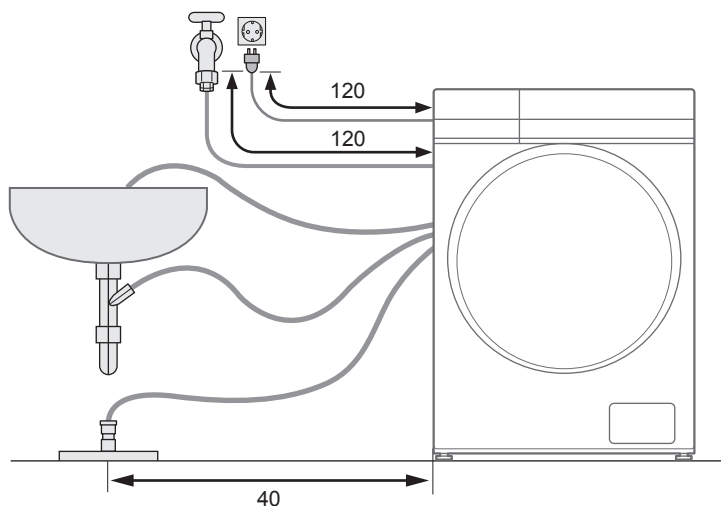
Kết nối bên phải

(cm)



Kết nối bên trái

(cm)



Nối đường ống (tiếp)

Ống cấp nước

■ Nối ống cấp nước



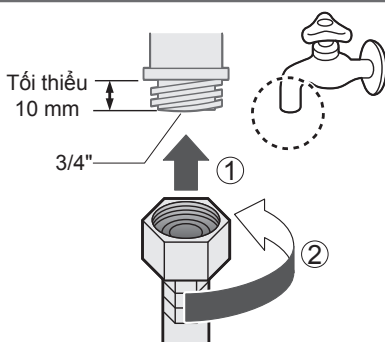
CẦN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

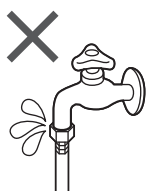
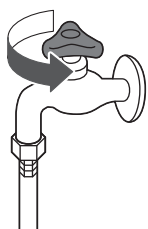
1



2

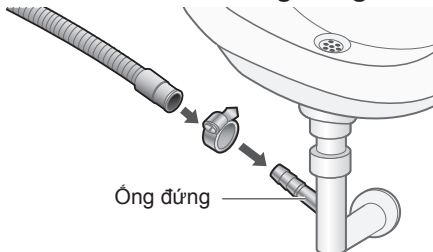


3



Ống xả

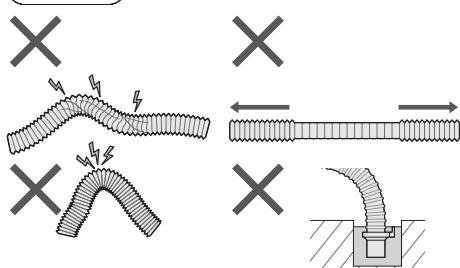
■ Thoát nước vào ống đứng



■ Thoát nước vào ống xả

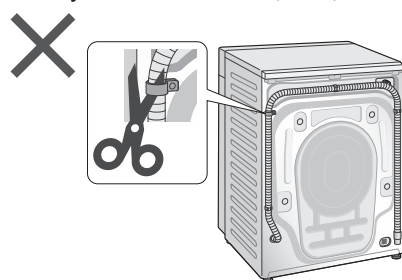


LƯU Ý



LƯU Ý

- Không cắt/tháo đai này. Nếu không máy sẽ báo lỗi U14. (Tr. 37)

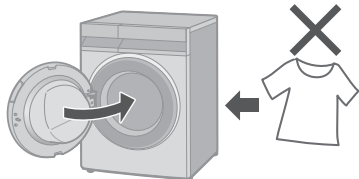


Chạy thử

1



2



3



4



5



Kiểm tra sau khi chạy thử

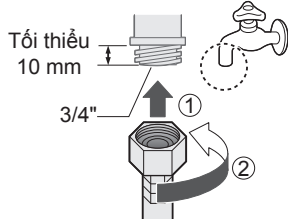
Sự cố

Rò rỉ nước



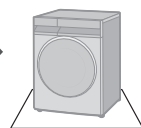
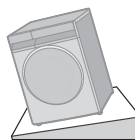
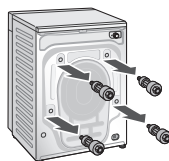
Nguyên nhân và biện pháp

Nối ống cấp nước đúng cách



Âm thanh bất thường

- Tháo các bulông giữ lồng giặt (Tr. 40)
- Lắp đặt ổn định



Cảnh báo



Xem Tr. 37.

Thông số kỹ thuật

	NA-24VDG1	NA-22VDR1	NA-22VDG1	NA-20VDR1	NA-20VDG1
Điện áp định mức (V)	220 - 240				
Tần số định mức (Hz)	50				
Công suất điện năng tối đa (W)	1600 - 1900				
Công suất điện năng gia nhiệt (W)	1445 - 1710				
Tốc độ vắt tối đa (r/min)	1400				
Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm)	596 × 585 × 845				
Trọng lượng sản phẩm (kg)	66	68	66	68	66
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô) (kg)	12,0	11,0		10,0	
Áp suất nước máy (MPa)	0,012 - 1				

* Khi áp suất nước máy nhỏ hơn 0,03 MPa có khả năng tồn đọng chất giặt tẩy trong khay đựng chất giặt.